

PHẦN III

**CHỈ DẪN ĐỊA LÝ ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ**

Quyết định: 4414/QĐ-SHTT, ngày 05/11/2020

Số đơn: 6-2020-00003

Ngày nộp đơn: 26/3/2020

Chủ đơn: Sở Khoa học và Công nghệ Phú Yên

Địa chỉ: Số 8 Trần Phú, phường 7, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý số: 00087

Tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý: Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên

Địa chỉ: Số 7 Độc Lập, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Chỉ dẫn địa lý: **Phú Yên**

Sản phẩm: Tôm hùm bông

Khu vực địa lý: Vịnh Xuân Đài, vịnh Vũng Rô và đầm Cù Mông tỉnh Phú Yên (theo bản đồ khu vực địa lý nêu tại Điều 2).

**Tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm**

\* Đặc thù hình thái:

- Màu sắc: Màu xanh dương pha lá cây, hai gai má màu trắng
- Trọng lượng (kg):  $\geq 0,7$
- Tỷ lệ thịt (%): 61,19 - 64,30
- Tỷ lệ gạch (%): 0,53 - 0,63
- Trọng lượng vỏ (g): 240 - 360

\* Đặc thù chất lượng:

- Tỷ lệ nước (%): 68,99 - 71,82
- Hàm lượng Protein thô (%): 19,95 - 21,37
- Hàm lượng Lipit thô (%): 2,38 - 2,62
- Hàm lượng Omega 3 (g/100g): 0,67 - 0,69
- Hàm lượng Omega 6 (g/100g): 0,15 - 0,18
- Hàm lượng Ca (g/100g): 59,62 - 60,72
- Hàm lượng P (g/100g): 292,53 - 318,66
- Hàm lượng Na (g/100g): 235,37 - 238,63
- Hàm lượng K (g/100g): 300,47 - 306,42

### Tính chất đặc thù về điều kiện địa lý

#### \* Đặc thù về địa hình

Địa hình khu vực địa lý là vũng vịnh mài mòn, tương đối kín. Địa hình đáy phức tạp.

#### \* Đặc thù môi trường biển:

- Khu vực địa lý có môi trường khá đa dạng sinh học với 53 loài thực vật nổi, 51 loài động vật nổi, 32 loài động vật đáy.

- Khu vực địa lý có nhiệt độ nước biển trung bình từ 27,9 - 30,7°C. Nhiệt độ nước biển tầng mặt vào mùa hè từ 28 - 29 °C, mùa đông từ 24,2 - 25,5 °C.

- Dòng chảy: Thời kỳ gió mùa Đông Bắc, tốc độ dòng chảy theo hướng Bắc đến Nam, đạt từ 50 - 60 m/s (tháng 12 đến tháng 2 năm sau), nhỏ nhất 25 mm/s (tháng 4). Thời kỳ gió mùa Tây Nam, tốc độ dòng chảy theo hướng Nam đến Bắc, tốc độ dòng chảy đạt từ 30 - 50 m/s.

- Đặc điểm môi trường nước biển: Độ pH từ 7,5 - 8,1; Độ mặn từ 30,3 - 32,3 ‰; Độ trong từ 36 - 41 cm; Hàm lượng oxy hòa tan (DO) từ 6,03 - 6,35 mg/l; Hàm lượng nhu cầu oxy hóa học (COD) tầng mặt từ 3,43 - 4,43 mg/l, tầng đặt lồng từ 3,7 - 4,85 mg/l; Hàm lượng nhu cầu oxy sinh học (BOD<sub>5</sub>) tầng mặt từ 1,67 - 2,19 mg/l, tầng đặt lồng từ 2,12 - 2,23 mg/l; Hàm lượng NO<sub>2</sub><sup>-</sup> tầng mặt từ 0,003 - 0,004 mg/l, tầng đặt lồng từ 0,0033 - 0,0053 mg/l. Hàm lượng NO<sub>3</sub><sup>-</sup> tầng mặt từ 1,02 - 1,54 mg/l, tầng đặt lồng từ 1,06 - 1,87 mg/l; Hàm lượng PO<sub>4</sub><sup>3-</sup> tầng mặt từ 0,12 - 0,16 mg/l, tầng đặt lồng từ 0,14 - 0,19 mg/l.

### Quy trình sản xuất

\* Giống và yêu cầu về giống: Giống tôm Hùm bông có tên khoa học là *Panulirus ornatus*. Tôm giống phải có kích cỡ đồng đều và > 0,3 g/con, nhanh nhẹn, không nhiễm bệnh.

\* Vùng nuôi: Chọn vùng nằm sâu trong các vịnh tương đối kín, cách bờ biển từ 200 đến 900m, độ sâu < 13m, tác động dòng thủy triều trung bình, độ cao sóng tối đa (Hs) < 1 m.

\* Chuẩn bị lồng nuôi: Lồng nuôi được vệ sinh sạch sẽ, khử trùng trước khi sử dụng. Đối với lồng ương: sử dụng kích thước lồng 1m x 1m x 1m hoặc 2m x 2m x 2m, đặt lồng cách mặt nước từ 0,8 - 1m, đáy lồng cách đáy biển từ 1,0 - 1,5m; Đối với lồng nuôi thương phẩm: sử dụng kích thước lồng 3m x 3m x 3m hoặc 4m x 4m x 4m, đặt lồng cách mặt nước từ 1,5 - 6,0m, đáy lồng cách đáy biển từ 1,0 - 1,5m.

\* Mùa vụ thả: Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.

\* Mật độ thả: Tôm hậu ấu trùng (tôm trắng) 0,3 - 0,5 g/con thả 50 - 60 con/m<sup>2</sup>; Tôm giống nhỏ (tôm bọ cạp) từ 0,5 - 10 g/con thả từ 15 - 20 con/m<sup>2</sup>; Tôm giống lớn (> 10g/con) thả từ 12 - 15 con/m<sup>2</sup>. Tôm lớn (> 500 g/con) thả từ 3 - 5 con/m<sup>2</sup>.

## CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 393 TẬP B - QUYỂN 3 (12.2020)

---

\* Cách thả: Thả tôm khi thời tiết tạnh ráo, mát mẻ, từ 5 - 7 giờ hoặc 16 - 18 giờ. Thả cả túi tôm giống xuống vịnh, sau 15 - 30 phút đổ các túi tôm vào thau, mức nước ở vịnh pha vào chậu, dần dần mỗi lần mỗi ít, vừa pha vừa quan sát tôm trong thời gian từ 1 - 3 giờ. Quan sát thấy tôm giống thích nghi với môi trường, bơi khỏe mạnh mới thả vào lồng ương. Dùng tay khua nhẹ nước để tôm phân tán đều trong lồng.

\* Quản lý và chăm sóc tôm: Hàng ngày kiểm tra, theo dõi tình trạng sức khỏe của tôm và mức độ sử dụng thức ăn. Loại bỏ thức ăn dư thừa và vỏ tôm lột xác. Định kỳ vệ sinh lồng nuôi. Cho ăn 2 lần/ngày, lượng thức ăn buổi chiều bằng 70 % tổng lượng thức ăn trong ngày. Thức ăn được rửa sạch bằng nước biển. Bỏ vỏ cứng của nhuyễn thể, bỏ phần ruột của cá khi làm thức ăn cho tôm từ 0,3 - 0,5 g/con và tôm từ 4 - 6 g/con. Đập dập vỏ nhuyễn thể khi làm thức ăn cho tôm >10g/con và tôm > 500 - 600 g/con.

Lượng thức ăn/khối lượng tôm nuôi đối với tôm từ 0,3 - 0,5 g/con là 30 - 40%, tôm từ 4 - 6 g/con là 20 - 25%, tôm >10g/con là 17 - 20%, tôm > 500 - 600 g/con là 15 - 17%.

\* Quản lý dịch bệnh: Quản lý dịch bệnh bằng phương pháp kéo những lồng bè có dịch bệnh về vị trí cuối dòng chảy và kịp thời chữa bệnh cho tôm, trường hợp có khả năng lây lan phải tiêu hủy hoặc thu hoạch ngay. Tiến hành tẩy trùng các lồng nuôi tôm bị bệnh.

\* Thu hoạch và bảo quản: Tiến hành thu hoạch khi tôm đạt từ 0,7kg trở lên. Bảo quản bằng nước biển trong hộp đựng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

---

Quyết định: 4473/QĐ-SHTT, ngày 13/11/2020

Số đơn: 6-2019-00014

Ngày nộp đơn: 31/12/2019

Chủ đơn: Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý số: 00088

Tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý: Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình

Chỉ dẫn địa lý: **Khả Lĩnh**

Sản phẩm: Quả bưởi

Khu vực địa lý: Xã Đại Minh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái (theo bản đồ khu vực địa lý nêu tại Điều 2).

**Tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm**

\* Đặc thù cảm quan: